

Hư Thân Huỳnh Trung Chánh

Phiêu Linh



Phần I

Nặng một lời một nguyện

Phiêu linh bao kiếp luân hồi

Phút giây hội ngộ, đời đời khổ đau

Mịt mùng tăm tối lạc nhau

Mang mang sáu cõi lao đao kiếm tìm

Dì Năm dự định mang cậu con trai về trại ruộng Thới Sơn, Châu Đốc nương náo với đồng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tu dưỡng thân tâm, tiện đường dì ghé lại chùa Tây An(1) đánh lễ Đức Phật Thầy để cầu nguyện cho con sớm lành bệnh. Chùa Tây An núi Sam, được tôn xưng là đệ nhất linh địa của giáo phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa, vì vị tổ khai sáng : “Phật Thầy Tây An(2)”, đã hành đạo và thị tịch tại chốn này. Nguyên Đức Phật Thầy theo thuận duyên đặc biệt thọ giới xuất gia với Hòa thượng Tiên Giác - Hải Tịnh(3) trụ trì tổ đình Giác Lâm, Gia Định, và được hòa thượng ban cho pháp danh Minh Huyền, hiệu Pháp Tạng rồi chỉ định về ngôi chùa Tây An để hoằng pháp với sự phụ giúp của sư đệ Minh Võ - Nhứt Thừa. Tuy đã là tăng sĩ chánh thức nhưng Ngài ủy thác mọi sinh hoạt tự viện cho sư đệ, cũng không thu nhận đệ tử xuất gia,

để có thể dành nhiều thời giờ hoằng pháp theo một đường hướng riêng: “thế tục hóa” đạo pháp hay cũng có thể gọi là “đem Phật Pháp đi vào cuộc đời”. Ngài tiếp tục trui rèn nhóm đệ tử cư sĩ nông cốt có khả năng đảm trách trực tiếp các cơ sở hành đạo dưới danh nghĩa là “trại ruộng” rải rác khắp các tỉnh miền Tây. Trại ruộng là cơ sở sinh hoạt đời lẫn đạo, nhằm quy tụ tín đồ thuần thành về tu tập vừa có nơi canh tác, cũng là địa điểm phát thuốc cứu khổ, chữa thân tâm bệnh... cho quần chúng nông thôn, và nhân đó sẽ dùng lối thuyết pháp khéo cơ chất phác: “nói thơ dạy đạo” để khuyến khích ăn chay niệm Phật, sinh sống hiền lành, vuông tròn hiếu nghĩa đúng theo pháp tứ ân, vì vậy chi phái mới có danh xưng là Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Vì một trong những vị đại đệ tử của Đức Phật Thầy, là Đức Quản Cơ Trần văn Thành, đảm trách hoằng hóa tại trại ruộng Láng Linh, đã chiêu mộ dân quân dựng cờ khởi nghĩa chống ngoại xâm, địa bàn di động quanh vùng Bảy Thưa - Láng Linh, khiến quân xâm lược phải chật vật bao năm trời mới đàn áp nổi. Tuy chỉ riêng trại ruộng Láng Linh liên hệ trực tiếp với vụ nổi dậy, nhưng kể từ đó, toàn thể tín đồ chi phái Tứ Ân đều bị chánh quyền Pháp nghi kỵ, chúng cho mật thám theo dõi kèm kẹp, bắt bớ tín đồ bừa bãi, gán cho họ tội “làm cách mạng”. Vì vậy, sinh hoạt tôn giáo của chi phái bị đình trệ, các trại ruộng thưa vắng lần, ngay như chùa Tây An một thánh địa mà trước đây bốn đạo vắng lai nườm nượp cũng lạnh lẽo điêu hiu. Cả vùng núi thiêng chỉ còn tro bụi một ông từ già lủi thui khói nhang bàn thờ Phật và trông giữ mộ phần của Phật Thầy chôn sau chùa mà thôi.

Trái với trí tưởng tượng của dì Năm, khuôn viên chùa Tây An giờ đây tấp nập khác thường. Chùa được tu bổ từ trong lẫn ngoài nên khang trang sáng sủa và tràn đầy sinh khí. Cạnh chùa là một mái lá khá rộng mới xây, để dùng

làm nơi xất sẩy, phơi và dự trữ cây lá thuốc Nam, cũng vừa là địa điểm tiếp đón đồng bào khắp nơi về chữa bệnh, hốt thuốc. Sinh hoạt tu tập “độ đời” nhận nhịp chẳng khác gì thời hưng thịnh của hơn ba mươi mấy năm về trước cả. Dì thăm hỏi nguyên nhân biến đổi này, mới biết rằng thời gian ngắn sau khi ông từ cô quạnh chán ngán bỏ đi, ngôi chùa không người săn sóc đã nhanh chóng trở thành hoang phế: cây cỏ dại um tùm thì đua mọc tràn lan che khuất lối đi, điện thờ bụi phủ nhện giăng, mái dột tường xiêu... cơ hồ sắp sụp đổ đến nơi, nếu không có một vị sư già du phương hoằng hóa dừng bước lững du ra tay tu sửa. Thật ra động cơ thúc đẩy sư vạch cây lá leo lên đường dốc chỉ vì mến mộ phong cảnh u tịch núi rừng thiêng liêng khôi vĩ, đến nơi sư mới khám phá ra ngôi già lam nhỏ bé mái phủ hoa vàng, đang e ấp nép mình dưới những khóm cây cối xanh um cành lá, chẳng chịt giây leo. Sư lặng ngẫm bức tranh sống động trước mắt thâm nhủ: “Ôi! Cảnh trí thật là hoang dại mà cũng thơ mộng và quyến rũ lạ lùng!” Sư mò mẫm đi vào chùa, một ngôi chùa hoang phế, tất cả đều hư hoại đổ nát, khiến sư xúc động bồi ngùi. Sư mang quả chuông nhỏ và nhang trong tay nải ra, rồi bắt đầu thỉnh chuông, thấp hương đánh lễ Phật - pho tượng Bồn sư tróc sơn loang lổ còn sót lại trên kệ thờ – long trọng phát nguyện gánh vác công cuộc trùng tu tự viện và hưng long đạo pháp tại chốn này. Sư âm thầm phát quang cỏ dại, thu dọn rác rến, chập vá mái vách hư hỏng, trang nghiêm chánh điện... tóm lại, sư lững lững tu sửa trong ngoài tương đối sạch sẽ mà chẳng ai hay biết. Một hôm, bỗng có người dân xóm rẫy trên non cao, nghe văng vẳng tiếng chuông công phu khuya sớm, tò mò tìm đến. Vào chùa trong lúc vị sư già đạo cao đức trọng đang thiền tọa trên đụn cỏ khô, không dám làm khinh động sư, anh ta rón rén đi quan sát trong ngoài: ngôi chùa tuy tạm có sinh khí, nhưng cửa nẻo hư mục, nhà dột cột xiêu rồi, còn phòng ốc trống trơn, trên kệ thờ chỉ còn pho tượng loang lổ, và quả chuông con con – Anh ta thâm nhủ: “Ủa!

Chuông nhỏ xúu như vầy sao tiếng ngân vang xa đến miếng rầy của mình như vậy?” Bước ra phía sau, nhìn cái nồi đất nứt mẻ, đặt trên chiếc cà ràng gãy gọng, tro tàn có lẽ đã nguội lạnh nhiều ngày rồi... anh thở thốt than: “Trời ơi! chẳng biết mấy ngày qua ông đã ăn uống thứ gì để sống vậy kia!”.

Anh ráng dần lòng, chờ sư xả thiền mới áp ứng đem thức mắc mình han hỏi. Sư cười móm sọm, hề hà đáp:

- Người xưa dạy “Đói ăn rau, đau uống thuốc”, nên thầy học theo mà hái rau rừng, bông so đũa... ăn qua ngày, đôi khi, mình tọa thiền niệm Phật thì cũng qua cơn đói con ạ!

Anh nông dân nghe kể mà rung rung nước mắt, anh xá chào thầy rồi tất tả chạy nhanh về nhà. Anh quày quã trở lại tay quảy, tay xách linh kinh gạo bắp khoai đậu cúng dường. Tiếng lành đồn xa, bà con quanh vùng lũ lượt về chùa học Phật tu nhân, những đêm lễ sám hối, tiếng tụng kinh niệm Phật vang rền cả núi, và không ai bảo ai họ thi đua góp công góp của kiến tạo lại cảnh chùa Tây An khang trang như thời xa xưa. Vui mừng hơn ai hết có lẽ là nhóm huynh đệ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, họ hợp nhau thành đoàn về viếng tổ đình, rồi khẩn khoản xin sư hứa khả cho phái Tứ Ân tái lập trại chẩn bệnh phát thuốc cho đồng bào cạnh chùa. Thầy hoan hỉ: “Tốt lắm! Tốt lắm! Cứu bệnh khổ là hành Bồ Tát hạnh dĩ nhiên thầy phải yểm trợ hết lòng rồi, huống chi, giáo chủ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, chính là đại sư huynh của thầy, thầy hằng phát nguyện tiếp nối và hưng long đạo nghiệp của Người kia mà!” Tiết lộ lạ lùng này khiến họ ngạc nhiên vô cùng, có kẻ thích thú reo vang, kẻ nửa tin nửa ngờ, muốn hỏi cho rõ nhưng ngại không dám mở lời. Biết vậy thầy mỉm cười giải thích: “Đức Thầy và ta vốn là huynh đệ đồng xuất gia với ân sư Tiên Giác – Hải Tịnh. Đức Thầy pháp danh là Minh Huyền và ta là Minh

Khiêm(4), chúng ta thuộc thế hệ thứ 38 dòng thiền Lâm Tế. Trong thời gian làm thị giả cho ân sư, ta thường nghe ân sư nhắc nhở hành trạng tự tại của sư huynh lòng rất ngưỡng mộ, nhưng bấy giờ sư huynh đã thị tịch, đất nước trong cơn loạn lạc nên dấu vết người xưa cũng phai mờ. Thế rồi, bỗng nhiên chẳng biết động lực nào dun rui ta dừng bước vân du đúng ngay đạo tràng xưa của sư huynh? tình cờ chăng? Có thể nói đây là một sự trùng hợp màu nhiệm khó nghĩ bàn do chư long thần hộ pháp hướng dẫn ta đến để tiếp nối đạo nghiệp cao cả của vị đại sư huynh ngày trước.”

Khi nhóm huynh đệ Tứ Ân lặng vắng tựu về chùa Tây An, thì đám mật thám Pháp liền đội lột khách hành hương bám theo rình rập, Ban Hội Tề làng Vĩnh Tế cũng ngấm ngầm cho người dò hỏi. Lạ một điều là bọn “điềm chỉ” này lần quần ra vào chùa, giả dạng tụng kinh niệm Phật thuần thành vài ngày, rồi bỗng nhiên họ mền đạo thật lòng, xin quy y với sư, chơn chất tu tập chẳng nhúng tay làm điều chi gian dối hại ai nữa. Chẳng rõ họ đã báo cáo thế nào, mà kể từ đó, tuy sinh hoạt chùa lúc nào cũng rộn rịp nhưng đạo tràng chẳng hề bị giới chức nào hạch sách rắc rối cả.

Võ thượng Phiêu là một thư sinh thanh tú, tuổi trên hai mươi nhưng đang lâm trọng bệnh nên dù được mẹ dìu đi và đường lên chùa cũng không mấy khó khăn, mà phải cố gắng lê lét từng bước một. Đến nơi, Phiêu mệt thở chẳng ra hơi, xiềng niềng sắp khụy xuống, khiến bà mẹ đau lòng kêu cầu cứu loạn lên. Nhờ các “ông đạo” chạy chữa cấp tốc theo thuốc Nam, nên chàng cũng khỏe dần, tuy đi đứng vẫn nương tựa bà mẹ.

Lễ bái xong, khi hai mẹ con chào sư từ giả, sư ái ngại nhìn Phiêu ngọt ngào han hỏi:

- Con còn yếu lắm, liệu đủ sức đi đường không? Mà con định về đâu vậy?
- Thưa con cũng không biết rõ nữa thầy ạ! Con chẳng biết mẹ sẽ đưa đi lánh nạn nơi nào nữa!

Thấy sư nhìn mình ra vẻ muốn tìm hiểu, dì Năm thoáng ngần ngại, rồi áp úng thu giọng thật nhỏ :

- Thưa thầy! Cháu Phiêu bị kẻ gian ác hại mà ra nông nỗi này! Con dự định đưa cháu về quê ngoại ở Thoại Sơn, nhưng chẳng biết thân thuộc có dám cru mang chẳng? và kẻ ác có chịu buông tha không nữa?

Trong màn nước mắt ràn rụa, thím ngậm ngùi cất tiếng than: “Trời đất mênh mông như vậy mà chúng con muốn tìm một chỗ dung thân lại gian nan vô cùng, thầy ạ!”

- Cửa chùa muôn đời rộng mở cho kẻ lâm bước đường cùng. Các con cứ tự nhiên nương náu sống ở đây một thời gian rồi tính. Thầy nghĩ, nếu các con vững lòng niệm Phật, tin tưởng chư Phật gia hộ, thì những khó khăn gian khổ nào cũng sẽ trôi qua.

Được ưu ái đón nhận, hai mẹ con vui mừng khôn xiết, họ hội nhập nhanh chóng vào nếp sống tự viện: dì Năm lăn xả vào bếp công quả, Phiêu thì theo hai chú sa di nhỏ săn sóc cây cảnh, quét dọn chùa, nhưng thông cảm bệnh trạng chàng chẳng ai để chàng vất vả cả. Nếp sống mới rất thoải mái, hai mẹ con được mọi người thương yêu đùm bọc, được tặng đồ lam, áo tràng, được cung cấp thuốc thang, và đặc biệt là đỡ nơm nớp lo sợ kẻ ác rình rập sát hại nữa. Biết Phiêu giỏi chữ nghĩa - Hán Nôm - , thầy ủy thác chàng sao chép bộ Pháp Hoa và vài mươi quyển kinh nhật tụng để Phật tử dùng trong những ngày lễ. Nhờ sao chép kinh, chàng có dịp gần gũi học hỏi Phật Pháp với thầy, càng học Phật chàng càng mến đạo giải thoát nên thỉnh cầu xuất gia. Thầy tổ chức lễ thí phát, cho thọ giới sa di và ban cho chàng pháp danh Như

Nguyễn.

Thân bệnh của Phiêu lần lần bình phục sau một thời gian ngắn, nhưng tâm bệnh thì dù chính thức đi tu mà chẳng thuyên giảm chút nào... Thật ra, nếu căn cứ vào hình thức tụng niệm thì chú sa di có vẻ khá tinh tấn, nhưng rời kinh kệ thì chú lại lơ lơ lửng lửng như kẻ mất hồn, chiều chiều chú thường lén thầy thơ thảo ra sau chùa, leo lên triền núi cao nhìn về cõi xa xăm buông tiếng thở dài não nuột. Một hôm đang chán nản nhìn xuống núi, chua xót nghĩ nếu mình chết đi có lẽ đỡ bị khổ đau dày dò, “chữ chết” vừa manh nha trong đầu thì tâm niệm tự tử liền trời lên tức khắc. Thế rồi, Phiêu chợt thấy phong cảnh trước mắt dường như biến đổi khác hẳn: núi cao chất ngất, vừa hùng tráng vừa âm u quái dị. Chàng mãi miết nhìn xuống hố sâu đen ngòm thâm thẳm, hàm ản một nét đẹp êm ái đầy man dã. Thế rồi, Phiêu khám phá nó – cái hố sâu – trở nên linh động và quyến rũ lạ lùng, nó tỏa ra hấp lực vô hình thu hút chàng, thôi miên chàng cứng đờ không cựa quậy gì được. Trong trạng thái mê mờ đó, chàng nghe hố sâu rú rê mời mọc chàng, thôi thúc chàng hội nhập với cái bình an vĩnh cửu của nó. Phiêu rung mình, vụt đứng dậy chuẩn bị phóng xuống.

- Như Nguyễn! Mau mau tỉnh lại! Nơi này nào phải là Đoạt hồn Nhai mà con toan tính gieo mình!

Giật mình tỉnh dậy, Phiêu dụi mắt nhìn thầy, ngượng ngập lên tiếng: “Thưa thầy! Đoạt hồn Nhai là chốn nào mà sao con nghe quen thuộc lắm thầy ạ!”

- Xưa lắm rồi, vào khoảng mười thế kỷ về trước có chàng thư sinh tên Trang Thanh văn tài xuất chúng đang trên đường lên kinh đô Trường An ứng thí bỗng nghe tin người mẹ lâm trọng bệnh nên đành gác lại giấc mộng quan trường, chàng quày quã về quê chăm sóc mẹ già được vài tháng thì bà từ trần. Trang Thanh an táng mẹ cạnh mộ cha, kề cận giòng suối Long Môn

lưng chừng ngọn Nga Mi hùng vĩ, rồi dựng lều ở đó mặc áo thô, ăn cơm hẩm, cư tang đúng ba năm dài. Một hôm có vị Tiết độ sứ họ La nhân đi ngang Nga Mi, nghe kể chuyện chàng trai hiếu thảo bèn ghé lại thăm hỏi. Nhận thấy anh chàng tuấn tú khôi ngô lộ chân tướng là một nhân tài hiếm có, sứ quân sinh lòng quý mến, ưu ái mời chàng về phủ tạm giữ chân thư lại trong khi chờ đợi kỳ thi, nhân đó chàng có thể tham dự nhóm văn chương tao đàn cùng các bậc anh tài xướng họa thi ca. Nổi bật trong văn đàn là công nương La uyển Thu, con gái cưng của sứ quân, lứa tuổi đôi tám, nhan sắc mặn mà. Trai tài gái sắc vừa thoát gặp gỡ đã mê đắm nhau, La sứ quân chẳng những không ngăn cản còn ngầm ủng hộ, vì tin tưởng ngày vinh quang của chàng không xa. Cuộc tình mộng mơ đang trong thời điểm tuyệt vời, tưởng không có gì ngăn ngại cả, thế nhưng, bỗng nhiên Trường An loạn lạc, tổ chức thi cử bị đình chỉ vô thời hạn, con đường công danh của Trang Thanh bất ngờ trở nên mờ mịt. Tình hình tiếp tục suy đồi, đến nỗi tướng Vương Kiến phải đưa toàn lực lượng quân sự về tỉnh Tứ Xuyên, hộ giá Đường Hy Tông hoàng đế về thủ phủ Thành Đô tránh nạn. Vương tướng quân, do sự nài ép của con trai, ngỏ lời cầu thông gia với sứ quân và dĩ nhiên sứ quân nức lòng chấp nhận. Vương Kiến quyền uy tốt bụng, ngay như Đức hoàng đế còn phải kính trọng, hướng chi... hướng chi trong thời loạn lạc giá trị kẻ sĩ te tua như tờ giấy rách, có đáng gì đâu mà phải phân vân! Điểm rắc rối là La Uyển Thu cô nương một dạ chung tình, khóc lóc thảm thiết, nguyện thề sống chết với người yêu. Sứ quân tức giận hét vang, xua đuổi Trang Thanh, đe dọa mạng sống nếu chàng còn lén lút gặp nàng. Chàng thất thểu lên ngựa quay về núi Nga Mi, ủ rũ tựa bên mộ phần mẹ cha. Thành linh có tiếng ngựa phi dồn dập, dáng thanh nhã của Uyển Thu ẩn hiện như mơ trước mắt chàng. Nổi mừng vui vừa chớm, liền bị dập tắt bởi mối kinh hoàng tràn ngập do đám bụi mịt mù của đoàn binh sĩ đang rầm rập giục ngựa đuổi theo

truy nã. Vốn thành thuộc địa phương, chẳng chút bối rối Thanh nhanh nhẹn dẫn nàng lần trốn vào ngõ tắt tạm thời mất dấu, nhưng tất cả con đường mòn xuống núi đã bị phủ vây kín mít khó lòng thoát thân. Đôi uyên ương buộc lòng chọn giải pháp duy nhất là leo lên mãi, lên đến tận cùng đỉnh Nga Mi, trên là Kim Đỉnh, với am Phở Quang nhỏ bé trơ vơ trống trải, dưới là bờ vực thăm muôn trùng, có danh xưng là Xả Thân nhai (nghĩa là hớ bỏ thân), cũng gọi là là Đoạt Hồn nhai (tức hớ đoạt hồn tán mạng). Cặp tình nhân đang cheo leo bên bờ vực cực kỳ nguy hiểm, một sơ suất nhỏ cũng đủ khiến họ rơi xuống vực sâu chết thảm, vì vậy, chú tiểu nhỏ trên am Phở Quang tuy đã giờ cao chày chuông chuẩn bị thời thỉnh đại hồng chung mà phải dừng lại vì sợ tiếng chuông khinh động họ, còn đoàn xạ thủ tinh nhuệ được lệnh truy sát Thanh, đứng vây quanh, giương thẳng giây cung mà chẳng dám buông tên sợ chàng trai ngã gục lồi theo người con gái chết chùm xuống hố. Trong hoàn cảnh cùng cực chẳng còn lối thoát mà đôi tình nhân vẫn bình tĩnh lạ thường, hai người tựa kề bên nhau, say đắm nhìn nhau nhàn nhã như chẳng chút lưu tâm đến mối hiểm nguy đang rình rập họ. Thanh âu yếm : “Nga Mi sơn quả xứng đáng với danh xưng là ngọn núi hùng vĩ xinh đẹp nhất hoàn vũ phải không em?”. “Đúng lắm!”, nàng đáp. “Hà! hà! Mình kề cận bên nhau, rồi đồng chết trên ngọn núi đẹp nhất kể ra cũng phong lưu đặc biệt em há!” “Phần em, miễn em được kề cận anh, thì sống hay chết ở chốn nào cũng đều hạnh phúc tuyệt vời cả! Anh ơi! Em mơ ước mình được chánh thức là vợ chồng trước khi chết, còn kịp lúc không anh?”. “Dĩ nhiên là phải kịp!” Chàng dìu nàng quì xuống chấp tay cùng van vái: “Chúng con Trang Thanh và La uyển Thu trong lúc bất cập này, không sẵn nhang đèn hoa quả, chỉ xin mang lòng thành kính xin Hoàng Thiên chứng giám cho chúng con giờ phút này chánh thức là vợ chồng.” Nàng lễ chàng một lạy thỏ thẻ : “Em nguyện đời đời là người vợ ngoan hiền của chàng!” Chàng lạy đáp lễ đồng dục lên

tiếng: “Anh nguyện đời đời là người chồng thương yêu che chở em!” “Em xin cảm ơn anh!” Dứt lời nàng trang trọng lấy túi xách mang kè kè bên mình, hai tay nâng lên dâng cho chàng. Thanh cẩn thận mở túi ra, trong túi chẳng có vàng bạc châu báu giấu vóc gì cả, mà chỉ có vòn vện sợi giây xích và chiếc khóa. Tâm ý tương thông, cả hai nhìn nhau thỏa chí mỉm cười, rồi lặng lẽ buộc mỗi người một tay vào giây xích khóa chặt, tay còn lại họ đưa lên cao long trọng phát nguyện: “Xin Hoàng Thiên chứng giám cho ước nguyện của chúng con là đời đời kiếp kiếp về sau, dù là quỷ, là ma hay là người cũng xin là vợ chồng!” Dứt lời, họ dìu nhau bước tới, lại say đắm nhìn nhau mỉm cười, rồi gieo mình xuống vực sâu. Chú tiểu nhỏ trên am Phỏ Quang xúc động rơi nước mắt, chày giờ lên cao từ lâu, bắt đầu hạ xuống, gọi hồi đại hồng chung cảnh tỉnh xuống vực sâu thâm thẳm cho hai kẻ chung tình.

- Ôi! Phần kết thúc câu chuyện sao sâu thẳm quá, thầy ạ!

- Câu chuyện đang tiếp diễn dài dài và chưa có dấu hiệu gì tỏ vẻ sắp kết thúc con ạ! Con biết không? Nỗi oan nghiệt vì chết chưa tới số, cộng với khối tình si thâm trọng quán quít, khiến họ lẫn quẩn đeo bám nhau làm cặp quỷ thần thường hiển linh phù hộ những lứa đôi thủy chung gắn bó, cũng như sẵn sàng trừng phạt những kẻ bội tình. Cảm tình với chú tiểu mềm lòng, họ cũng hộ trì già lam, còn việc chú tụng kinh niệm Phật chân thành hồi hướng họ siêu thoát hay vãng sanh chi đó họ chẳng bận tâm. Nếp sống quỷ thần chung vui hạnh phúc kéo dài ngót sáu mươi năm rồi cũng chấm dứt, tình sâu nghĩa nặng cùng với lòng oán ghét giới quyền thế dẫn dắt họ cùng đào thai về xóm dân chài tại Thái Hồ, tỉnh Giang Tô, rồi trở thành đôi vợ chồng nồng nhiệt yêu nhau, chia sẻ ngọt bùi cho nhau đến khi răng long đầu bạc, ông vừa từ giả cõi trần thì bà đã lật đật theo sau bén gót. Kể đó, họ cùng đào thai về thành phố Thượng Hải, đất rộng người đông mà dẫn lực vô hình cũng đưa

đẩy họ tìm được nhau, chung sống với nhau cực kỳ hạnh phúc. Thế nhưng nghiệp sát của kiếp hành nghề chài lưới khiến tuổi thọ kiếp này ngắn ngủi, chàng trai đột ngột từ trần bỏ lại người vợ trẻ với bảy con thơ ấu. Người vợ trẻ yêu chồng chí thiết, lòng chỉ mong tự tử chết theo, nhưng nghĩ đến đám con nheo nhóc, buộc lòng phải lầy lắt sống còn. Mãi đến khi con cái trưởng thành, thì người mẹ mới từ trần trong cảnh bơ vơ lạc lõng, tuy một lòng một dạ muốn đoàn tụ với chồng, nhưng chồng đã biến biệt chốn nào, biết đâu mà tìm. Hỡi ôi! Trong hơn tám trăm năm liền, khối tình si vẫn thúc đẩy họ trong tăm tối mịt mù của nghiệp thức trôi lăn trong cõi Ta Bà thất thế kiếm tìm nhau, nhưng giống như trò chơi cút bắt họ cứ lẩn tránh nhau: kẻ Nam, người Bắc, kẻ phương Đông, người phương Tây, kẻ này mới sanh thì kẻ kia vừa chết,.. thành thử đành mang số phận kiếp kiếp cô đơn lạc lõng mỗi mòn tìm kiếm hình bóng người yêu trong mộng. Đôi lần họ cũng gặp nhau trong phút chốc, trong hoàn cảnh trở trêu của tuổi tác quá chênh lệch. Người già khú và đưa bé con xa lạ, mới thoáng gặp nhau trong một đoạn đường ngắn đã quăn quít, vợ vẫn nhớ nhung nhau, để rồi, kẻ già chết trong nỗi thương nhớ băng quơ, còn đưa bé suốt đời cứ trống vắng cô đơn hụt hẫng. Cuối cùng rồi thì họ cũng gặp nhau vừa trang lứa, họ yêu nhau tha thiết, tưởng không có trở lực nào ngăn cản tình yêu đó được, ngờ đâu, qua bao kiếp luân hồi mỗi người mỗi ngã, mỗi người mỗi nghiệp, ai cũng có nợ nần oan trái bủa giăng, nên lẽ cưới gần kề mà vẫn phải chịu cảnh ly tan khổ hận...

Thoạt đầu Phiêu tưởng thầy kể chuyện cổ tích, ngờ đâu nghe một lúc thì những hình ảnh kiếp kiếp xa xưa chôn vùi trong tiềm thức, bỗng chập chờn khơi dậy. Khám phá ra uẩn khúc khổ đau tiền kiếp, chàng bàng hoàng chua xót cho duyên phận lứa đôi hẩm hiu, khóc nức nở không kèm chế nôi. Su thương cảm nhìn Phiêu, buông tiếng thở dài, rồi ngọt ngào hỏi:

- Như Nguyễn! Con quyết định như thế nào đây? Con cứ tiếp tục lăn lộn mịt

mù trong sáu cõi để tìm nhau đời đời kiếp kiếp mãi sao?

Phiêu bối rối:

- Con chẳng biết phải làm sao cả! Con mờ mịt biết gì đâu? Xin thầy chỉ dạy con!

- Con nên suy tư tường tận rồi tự chọn một giải pháp riêng cho con!

Dứt lời, sư liền quay gót. Phiêu lót tót chạy theo, gọi thất thanh: “Thầy ơi!”

Phiêu đang quẩn trí như kẻ sắp chết đuối mà thầy là cái phao cứu mạng cho con nguy ngập. Bỗng dung thầy đột ngột bỏ đi nên hoảng hốt kêu ầm lên, chớ thật ra chẳng biết hỏi chuyện gì. Ngập ngừng khá lâu, Phiêu mới áp ứng:

- Thưa... thưa thầy! Có phải thầy chính là chú tiểu trên Kim Đỉnh ngày xưa không ạ!

- Đúng vậy! Thầy trò ta vốn đã có duyên ngày trước, con lại từng hộ trì già lam, do đó nghiệp lực lành mới đưa đẩy con về chùa nương náu với ta!

Yên chí lớn có nhân duyên lành với thầy, tức là có chỗ dựa với bậc cao tăng đỡ đàn mọi việc thì đâu có gì đáng lo nữa, Phiêu mừng quýnh kỳ kèo :

- Vậy xin thầy thương dẫn dắt cho con từng bước, chớ con tối mò chẳng biết gì, thì làm sao cải được mạng số mình cho nổi!

Sư nghiêm sắc mặt:

- Người phải tự quyết định chọn một giải pháp và tự mình phải thực hiện lấy.

Đừng cù nhầy lồi thoi nữa!

Phiêu lại cố gắng kêu nài:

- Dạ thưa thầy... nhưng mà...

Lần này có lẽ thầy bức bối lắm rồi, thầy hét lớn:

- Hãy “tự đốt đuốc lên mà đi”, đừng lải nhải nữa!

Sư bước nhanh đi vào chùa, chẳng ngó ngang gì đến chàng. Thái độ kỳ quặc của thầy khiến Phiêu hụt hẫng trong uất ức ghen ngào. Chàng tin tưởng

thầy là bậc cao tăng chỉ cần “phán mấy câu” cho đệ tử nghe theo là xong, ngờ đâu đến lúc nguy biến cầu cứu thì thầy “phủ tay” chẳng dạy dỗ điều gì khiến chàng chới với, lòng dạ rối loạn lên chẳng biết phải làm sao? Phiêu lảo đảo cần nhần: “Ông già thật lạ lùng! Nhắc nghiệp duyên xưa thao thao bất tuyệt xác nhận có duyên thầy trò nghe “ngon ngọt” quá! vậy mà làm hiểm không cứu độ, không chịu chỉ dẫn đệ tử con đường tu, mới thật là khó hiểu, thật là kỳ dị!” Trong tâm trạng tuyệt vọng nào nề Phiêu uể oải trở vào chùa tiếp tục sinh hoạt thường nhật với một thái độ lửng lơ nửa mê nửa tỉnh chẳng “hòa hợp chúng” tí nào. Chàng lơ là ngao ngán việc sao chép kinh, chểnh mảng thời khóa tu tập, quên ăn bỏ ngủ, khi làm lì câm nín, lúc lại khuấy động loạn lên chẳng úy kị ai. Đêm ngày “thăm cảnh trầm luân mịt mù trong đen tối của hai bóng ma trôi giạt quơ quào tìm kiếm nhau” liên tục hành hạ tâm chàng, thúc hối chàng suy tư tìm lối thoát, nhưng càng suy tư Phiêu càng tối mò, càng rối loạn thêm mà thôi. Chàng vốn bệnh hoạn yếu đuối, nay tinh thần căng thẳng cùng cực khiến sức khỏe thêm suy nhược, mạng sống xem ra khó kéo dài. Đại chúng động lòng kéo nhau lên thỉnh hòa thượng tìm phương cứu vãn, nhưng sư vẫn đứng dưng một cách lạ lùng. Một hôm, trong khi đang mơ mơ màng màng máy móc theo đại chúng tụng thời kinh A Di Đà, ... “Xá lợi Phất, vì cớ gì chúng sanh nghe được kinh này nên phát nguyện sanh về nước ấy? Vì sanh về nước ấy sẽ được hội hợp cùng một chỗ với các bậc thượng thiện...” vừa nghe năm chữ “hội hợp cùng một chỗ” chàng bỗng cảm nhận sự bùng nổ vang dội rung động cả tâm can, như có quang minh sáng rực tỏ rạng tâm chàng không còn một chút nghi nan nào cả, rõ ràng chỉ có giải pháp duy nhất là phát nguyện đồng tu về cõi Cực Lạc để “hội hợp cùng một chỗ” mới vượt thoát khỏi cái nghiệp bám víu tìm nhau đòi đòi kiếp kiếp nữa. Không nổi vui mừng nào sánh được, nước mắt ràn rụa, nguồn vui tràn ngập như nước lũ bờ, chàng liền phát đại hoằng nguyện

dũng mãnh một lòng Niệm Phật A Di Đà cầu vãng sanh, yên chí là một khi đã vãng sinh rồi tu tập đến bậc bất thối chuyển thì sẽ trở lại cõi Ta Bà cứu độ thân hữu cùng qui ngưỡng về cõi Tịnh độ phương tây, thì dù nhanh hay chậm chắc chắn có ngày oan gia thuở trước sẽ “hội hợp cùng một chỗ”, lo gì!

Chàng thầm nghĩ: “Nếu không do thầy cố tình cứng rắn úp chụp trên đầu mình một trách vụ ngoài tầm tay đeo đẳng như một án treo, khiến mình ăn ngủ không yên ôm ấp mối nghi lớn khắc khoải suy tư thì làm sao có sự bùng nổ, mà nếu không phải là kẻ lặn ngụp biển ái, bao kiếp lang thang thất thủ tìm nhau thì làm sao chỉ cần nghe nửa câu kinh “hội hợp cùng một chỗ” là đã tỏ rõ đường về.” Ôn thầy bao la như trời như biển, vậy mà bấy lâu nay mình lại ngu si hờn trách bất bình thật là tội lỗi. Ráng chờ xong thời khóa, chàng “lạy thầy như tể sao” để cảm tạ thâm ân và cũng để sám hối nữa, nhưng chưa kịp mở lời thì thầy đã tươi cười: “Khá lắm! Khá lắm! Con rất xứng đáng với lòng kỳ vọng của ta!”, rồi thầy ôn tồn dặn dò: “Nhớ luôn tinh tấn và thường trực quán sát tâm niệm mình, con nhé!”

Phiêu cảm thấy con người mình thay đổi toàn diện, không còn dính mắc bất cứ chuyện thế gian nào nữa, chỉ một lòng thanh thản Niệm Phật. Chàng Niệm Phật nhuần nhuyễn ngày đêm, giữ chánh niệm trong mọi uy nghi, ngay cả lúc chiêm bao trong giấc ngủ, nhờ vậy tâm chàng luôn thoi thới trong suối nguồn an lạc.

Phiêu định ninh rằng với chiều hướng này, ngày chàng đạt đến trình độ nhất tâm bất loạn chẳng xa. Trái với dự tính của Phiêu, sau ba tháng bông bột tinh tấn, khi mà lòng “hào hứng hăng say của thuở sơ tâm phát nguyện” bắt đầu suy giảm, chàng chợt cảm thấy mình có triệu chứng giải đãi, càng canh chừng theo dõi càng khám phá tâm niệm chàng vẫn thường loạn động, cái loạn động mà nếu không quán sát nghiêm cẩn khó lòng phát hiện ra. Thì ra,

pháp môn niệm Phật tưởng chừng như vô cùng giản dị, bất cứ ai niệm cũng được nhưng khi thực sự dẫn thân tu tập muốn được nhất tâm bất loạn lại là chuyện thiên nan vạn nan có mấy ai thành công. Phiêu thỉnh giáo thầy, thầy bảo chàng hãy chiêm ngưỡng tượng Tam Thánh, rồi nhắc nhở: “Nếu con nương theo Ngài Thế Chí ôm ấp chí đại hùng đại lực bền bỉ Niệm Phật không ngừng nghỉ thì làm sao tâm thối chuyển xuất hiện, nếu con học hạnh lắng nghe của Bồ Tát Quan Âm, quán sát lắng nghe từng câu, từng tiếng Niệm Phật không chút sơ hở thì tạp niệm làm sao chen vào!”

Từ khi biết chiêm bái tượng Tam Thánh để đón nhận được suối nguồn từ bi gia bị và cũng để suy gẫm mà sách tấn tu tập, Phiêu tự tin mình đã vững chãi thanh thoi trên đường về cõi Cực Lạc. Nhờ vậy, tuy sức khỏe của Phiêu bỗng đột ngột suy yếu trầm trọng, chàng vẫn an nhiên tu tập chẳng màng đến chuyện sống chết chi cả. Thế rồi, chỉ một thời gian ngắn sau, đúng theo ngày giờ dự báo, Phiêu đã thanh thản rời cõi Ta Bà. Căn cứ vào các thoại tượng xuất hiện vào phút lâm chung, thầy tuyên bố xác nhận chàng đã được vãng sanh về cõi Cực Lạc, khiến đại chúng ai nấy đều sanh lòng hoan hỷ và phấn khởi tu tập.

Phản vị sư già, sau khi lo lắng tang ma cho đệ tử xong, có lẽ cũng cảm thấy thỏa chí, rời chùa vân du hoằng hóa biên biệt chẳng biết ở phương nào?

Hư Thân Huỳnh Trung Chánh

Phiêu Linh

Phần II

Con ma ngớ ngẩn

Nguyện cùng Niệm Phật vãng sanh

Di Đà cõi Phật bạn lành đồng tu

Thời buổi mất nước này, người ta rủ nhau tân tòng và chạy theo Tây học, để làm bàn đạp bon chen bám gót quân xâm lược tầm cầu bả vinh hoa phú quý, mà cụ đồ Phan lại lắm cảm mở trường dạy chữ nghĩa thánh hiền mới là điều lạ lùng, nếu không nói là gàn dở. Cụ đồ vốn là một nho gia khí tiết đã khước từ cộng tác với nhà nước Phú Lang sa, lánh về quê vợ tại tỉnh lỵ Mỹ Tho từ năm 1901 để chăm sóc một thửa vườn trầu tạm đủ cho nếp sống thanh bạch, nghiêm giữ gia phong của giòng họ Phan ở Bà Điểm, Gia Định. Việc dạy học với cụ chẳng qua là một thú vui tao nhã, chứ cụ đâu có nhận học phí, học trò thơm thảo thỉnh thoảng mang trái cây vườn nhà hay chút quà lễ thầy ngày Tết vậy thôi. Điều an ủi lớn của cụ đồ là đám học trò mười đứa, dù vẫn vào trường học chữ nghĩa Tây phương, nhưng vẫn thích rèn luyện chữ Hán chữ Nôm nhằm giữ gìn nền văn hóa ngàn đời của dân tộc. Đặc biệt nhất phải kể đến là chàng thanh niên họ Võ, thông minh tuấn tú và đầy nghĩa khí đã bộc lộ phẩm chất quân tử hơn người. Thầy trò gần gũi, cụ Phan hỏi dò gốc

gác mới biết anh ta là hậu duệ của anh hùng Võ duy Dương, Đồng Tháp, ông và cha đều là bậc trung nghĩa vì nước quên mình chết trong tay giặc, nên mẹ goá con côì đành lưu lạc về Mỹ Tho trốn lánh tai mắt kẻ thù rình rập. Biết rõ gia thế của anh ta, thầy đồ mừng quýnh xem chàng như bậc tri âm, hai người mặc tình tâm đầu ý hiệp thổ lộ niềm thương đau nghệt ngã về nỗi nhục mất nước. Con gái cưng của cụ đồ là Mỹ Linh, nổi tiếng là một thiếu nữ tài hoa và xinh đẹp nhất vùng. Nàng có dáng dấp mảnh mai thùy mị, nụ cười duyên, và đặc biệt với đôi mắt tròn xoe đen láy xao xuyên lòng người. Bao gia đình giàu sang danh giá nhờ người mai mối xin kết thông gia, nhưng cụ đồ gạt bỏ ngoài tai vì chê họ là bọn xu thời. Vậy mà, sau khi chăm được đứa học trò như ý rồi, cụ dễ dãi gợi ý cho chàng trai bước tới, rồi đồng ý gả con ngay với niềm cảm thông về sự đơn chiếc và những khó khăn tiền bạc của họ. Lại một điều là đôi trẻ vốn được gia giáo nghiêm minh, chưa bao giờ có dịp nhìn thẳng mặt nhau, huống chi là thân mật chuyện trò, thế nhưng, khi vừa được cha mẹ hứa tác thành thì đã khấn khít nhau, yêu thương nồng nhiệt như đã là đôi tình nhân tự thuở nào.

Thành phố Mỹ Tho thuở người Pháp mới xâm chiếm đã được chánh quyền đô hộ coi là trọng điểm chiến lược của guồng máy cai trị tại Nam Kỳ, vì Mỹ Tho là đầu ngõ huyết mạch cả đường thủy lẫn đường bộ về miền Tây. Mỹ Tho cũng kiểm soát các ngõ ngách dọc ngang vào Đồng tháp Mười, cánh đồng lác sinh lây mông mênh mà các nhà chí sĩ ần náo và lập chiến khu kháng Pháp. Thuở đó, nếu không nhờ tên Việt gian Tổng Đốc Trần bá Lộc, công thần số một của Pháp tại miền Nam ra tay thâm độc, xâm lược Pháp khó lòng tiêu diệt lực lượng dân quân cách mạng, nhất là lực lượng Võ duy Dương tại Đồng Tháp. Đó là lý do tại sao Ông Hội Đồng Quản Hạt Trần bá Quyền, hậu duệ của Tổng Đốc Lộc, tuy không giữ chức vụ gì chánh thức tại

Mỹ Tho, nhưng lời nói của lão rất “nặng ký” vì luôn luôn được bọn người Pháp tại địa phương tin tưởng. Một hôm sau khi dự tiệc tại tư dinh Tỉnh Trưởng ra về còn chệnh choáng hơi men, vừa bước vào nhà thì nghe đứa con trai út là Trần bá Danh, đang to nhỏ bàn bạc với vợ ra điều nghiêm trọng. Lão lẩm bẩm: “Thằng quý này lại ỏn ỉ xin tiền cho gái nữa chứ gì!”, rồi lên vào buồng định “đánh một giấc” cho khỏe.

- Ông ơi! Ra đây nhanh lên! Thằng út lằng nhằng đòi cưới vợ cho được đây nè!

Lão muốn ngủ yên, nhưng bị mụ vợ kêu réo, đành uể oải bước ra lè nhè lên tiếng:

- Ủa! Nó thích con nào thì cưới “quách” cho nó con đó, chứ hơi đâu mà cảm ràm vậy bà!

- Ai cũng được nghĩa là sao? Con gái thằng cha đồ nho hủ lậu được không? Gia đình lão vinh thân phì da là nhờ ơn mưa móc của nhà nước Đại Pháp, suốt đời lão cúc cung tận tụy phục vụ ngoại bang trừ khử nhóm người Việt kháng Pháp, nên làm sao lão chịu kết thân với những kẻ có đầu óc “lạc hậu” này, nghe câu hỏi trắc trẹo của mụ vợ, lão nhảy nhồm như đĩa phồng vôi hét vang :

- Ai cũng được, trừ cái đám nghèo kiết xác mà bày đặt ngang ngược chống đối đó thôi!

Cậu Út vốn là hạng công tử háo sắc, hễ nghe ngóng nhà nào có gái đẹp chàng ta cũng lân la thả lời trêu ghẹo, hẵn nghe xóm dò Rạch Miễu có nàng thiếu nữ đẹp tuyệt trần bèn lò dò tìm đến, nhưng vì cụ đồ nghiêm khắc quá, phải kham khổ mấy ngày trời, hẵn mới mua chuộc được một tay buôn bán trâu dẫn đi theo, ra tận sau vườn mướn có quan sát giấy lá trâu để lén lút nhìn người đẹp, nhưng không ngờ vừa thấy người lạ nàng liền tránh ra xa, thành thử tốn bao nhiêu công sức, mà cậu út chỉ thoáng thấy chút bóng dáng

mà thôi. Càng khó khăn thì lại càng hấp dẫn, cậu phải chầu chực thêm mấy ngày nữa, mới thấy rõ nhan sắc mặn mà khi nàng thướt tha theo mẹ đi lễ chùa. Kể từ đó, cậu Út bỗng mê mẩn tâm thần, bao nhiêu tình ý đều hướng về nàng, cuối cùng dù biết cha mẹ phản đối vẫn nhất quyết đòi cưới nàng cho được. Biết tánh mẹ cứng chiều, cậu giả bộ buồn dầu dầu, bỏ ăn, bỏ ngủ... một ngày, thì bà mẹ đã lo lắng loạn lên gây gổ chồng, buộc phải dẹp tự ái đứng ra lo cho con. Một bà mai lịch thiệp được cử đến nhà cụ Phan đánh tiếng. Cụ đồ cho biết nếu được may mắn kết giao với bậc đại gia quyền thế như Ông Hội Đồng là hân hạnh to lớn, nhưng cụ rất tiếc không thể nhận lời vì đã lỡ hứa gả con cho gia đình họ Võ rồi. Nghe “hung tin” cậu Út thất tình bỏ ăn bỏ ngủ dờ dẩn xơ xác cả người khiến ông bà Hội Đồng quýnh quáng viện trợ đến Ông hương cả làng Điều Hòa, người có uy tín bậc nhất tại địa phương đứng ra dàn xếp nội vụ dùm bằng mọi giá. Lão già đầy mưu lược này thoát đầu hết lời ca tụng cậu Út là một thanh niên hào hoa lịch lãm và có tài ăn nói tiếng Tây lưu loát hiếm có, lại được cha là Hội Đồng quản hạt giàu sang tốt bụng nâng đỡ nên chắc hẳn tương lai huy hoàng khó ước lường. Thấy phần khoa trương này chưa đủ hiệu nghiệm, lão hương cả bèn đổi đề tài nhắc tới nhắc lui mãi thanh thế thân Pháp, tài bộ đỡ vận động chạy chọt của Ông Hội Đồng, để ngấm ngấm đe dọa, nhưng cụ đồ tuy mềm mỏng mà vẫn khư khư từ chối. Trước khi ra về, lão hương cả giả vờ trở mấy nọc trầu, cười khẩy khen: “Cụ tìm đâu được giống trầu lá vàng Bà Diễm, quý thật!” Cụ đồ biết hẳn ngấm cho biết họ đã nắm rõ lý lịch của mình, cụ nhận thấy tình hình có phần gay cấn, lòng muốn đưa hai đứa nhỏ đi tản nơi khác cho yên, nhưng ngại tiếng đồn bậy là có “con gái bỏ nhà theo trai” mang nhục cho tổ tiên, nên vội cho tổ chức liên lễ hỏi đơn sơ, và dự định lễ cưới sẽ thực hiện gấp trong vòng vài tháng sau đó. Mùa Trung Thu năm Giáp Thìn (1904), chú rể tương lai khệ nệ mang trà bánh kính biểu nhạc gia, vừa vào

nhà thì toán lính mật thám do tên cò Tây Robert chỉ huy ập vào nhà lục soát lung tung, lập biên bản tịch thu tài liệu và sách chữ Hán, tuyên bố bắt quả tang truyền đơn sách động phản loạn, rồi còng tay hai người đàn ông dẫn đi mất. Tai họa khủng khiếp đổ ập lên đầu người hiền lương, hai bà mẹ và cô gái chẳng làm gì hơn là ôm nhau mà khóc. Nghe đồn vụ bắt bớ liên quan đến chánh trị, bà con cô bác tránh né khó nhờ vả hỏi han ai được, ba người đàn bà dắt díu nhau đến nhà tù tìm chồng tìm con, nơi này chỉ sang sở Mật Thám xin giấy phép thăm nuôi, lòng vòng hai ngày trời vẫn chưa biết tin tức gì của thân nhân. Chiều đó, lão hương cả bất ngờ viếng nhà, với thái độ nhũn nhặn thường lệ hấn thăm hỏi và đề nghị giúp đỡ. Hấn đích thân đưa hai bà mẹ và cô gái đi thăm nuôi. Hấn sắp xếp cho viếng phòng giam chàng trai trước, cho bọn đàn bà mục kích tường tận tình trạng chàng ta nằm thoi thóp hầu như sắp tắt thở, mặt mày bầm dập nát bét, với giòng máu tươi còn rỉ rả nơi khoe miệng. Di Năm và Mỹ Linh đau đớn quá, xiu lên xiu xuống phải nhờ người giúp đưa ra ngoài. Trước khi dẫn đến phòng giam cụ đồ, hấn lên tiếng : “Cụ đồ, nhờ được Ngài Hội Đồng can thiệp với Ông Cò Robert nên tạm thời chưa bị tra tấn, xin chị và cháu yên tâm!”, vừa cất lời hòa nhã, hấn đổi giọng nửa cười cợt nửa đe dọa: “...nhưng tôi không dám bảo đảm tình trạng tốt này còn kéo dài đến ngày nào nữa a a..!” Hấn im lặng một chút chờ cho lời dọa thâm độc bắt đầu ngấm vào kẻ đối thoại, mới lấp lửng đưa ra điều kiện:

- Trừ phi! Trừ phi... hà! hà! cụ đồ biết thuận thời... kết thông gia với Ngài Hội Đồng thì Ngài có hẹp lượng gì không can thiệp cho thông gia ra tù ngay!

Mỹ Linh bình tĩnh lên tiếng:

- Còn số phận của Võ huynh thì sao?

Lão ta đặc ý :

- Hấn cũng được thả, miễn rằng hấn phải rời khỏi nơi này tức thời, đi cho biệt tông tích, nếu không thì... nếu không thì... tánh mạng khó bảo toàn đó nhe!

Cụ đồ sẵn sàng chấp nhận cái chết cho riêng mình, nhưng cụ không nỡ để thằng bé phải chết thảm, nên đành cắn răng chịu nhục, hứa gả con gái cho phường gian ác. Thi hành đúng theo giao kết, dì Năm rước con ra khỏi nhà tù đi luôn về miền Tây, bọn ác nhân cho người theo giám sát đến tận Bắc Vàm Cống mới buông tha.

Lễ cưới liền được tổ chức gấp rút trong hai tình huống đối nghịch nhau. Cụ đồ xấu hổ vì phải gả con cho “giặc” nên buồn xụi, chẳng trang hoàng, chẳng mời mọc ai... nhà cửa vắng hoe, buồn tủi, khóc lóc chia tay nhau thảm thiết như đưa đám ma. Ngược lại, nhà trai hùng hổ đi rước dâu, trống lân rần rộ mở đường, xe cộ kết thành đoàn lũ lượt, tiệc tùng linh đình thâu đêm, đầy nghệt khách Tây Tàu đến chung vui chúc tụng.

Mợ Út Mỹ Linh thời còn son trẻ, vốn đã mảnh mai liễu yếu, đến khi về nhà chồng lại vướng chứng bệnh lười ăn mất ngủ nên càng gầy gò ẻo lả. Nàng lặng lẽ sống âm thầm âm đạm, chẳng thích giao du với ai, nhứt là dòng họ bên chồng, khiến Bà Hội Đồng ghét cay ghét đắng. Mợ thường bực bội nghiêng răng đay nghiến: “Nó là thứ yêu ma quỷ mị ám chướng thằng Út mà!”, nói là nói với người khác nghe chớ bà đâu có cơ hội mắng con dâu, huống chi bà rất quý trọng thằng con trai, mà nó thì nể vợ, bà đâu muốn sanh sự làm gì. Kể ra nhận xét của bà Hội Đồng cũng không đến nỗi quá đáng, cậu Út là tay ăn chơi từng trải, gái đeo cả bấy không lụy ai, vậy mà chẳng biết do “ám chướng” nào vừa gặp Mỹ Linh đã mê mết phục tùng, hết lòng chiều chuộng nàng... mặc dầu nàng luôn giữ thái độ hững hờ xa vắng. Tuy nể vợ nhưng cậu Út rất đa nghi, bám sát kiểm soát nàng từng ly từng tí, vì vậy, nàng chẳng tiếp xúc được một ai, ngoại trừ bé Chín, đứa cháu họ mà

Mỹ Linh mang theo sau ngày cưới để giúp việc lật vật và làm con thoi liên lạc với gia đình. Một hôm, qua khung cửa sổ Mỹ Linh thấy một bà vải già bên kia đường, tay ôm bình bát chậm chạp dò từng bước một. Mỹ Linh bảo bé Chín mời bà vào nhà để cúng đường, bà vải từ chối lấy tiền, chỉ nhận nải chuối lá gọi là hóa duyên. Bà xá cảm tạ, nói vài câu kệ khuyến tu tẻ nhạt, rồi tặng cho Mỹ Linh tờ giấy đỏ ngoằn ngoèo hai hàng chữ nho tợ như một lá bùa, rồi ra đi. Mỹ Linh là một người chẳng tha thiết thứ gì kể cả vòng vàng châu ngọc, mà đối với lá bùa thô sơ tầm thường lại trang trọng giữ kỹ, quả là chuyện kỳ lạ. Nàng ngắm nhìn suốt ngày: khi thì ngẩn ngơ tìm hiểu, có lúc như say mê chiêm ngưỡng, khiến cậu Út đâm ra khó chịu muốn xé phứt cho rồi.

Mùa hè năm Ất Tỵ (1905), khí hậu nóng bức khác thường, Mỹ Linh đau yếu liên miên, đưa lên bệnh viện Grall Saigon điều trị không tìm được nguyên nhân. Nghe đồn có Đông y sĩ nào nổi tiếng, cậu Út cũng đều mời thỉnh, nhưng mọi cố gắng này hầu như bất lực. Tuy đã thề tuyệt giao với thông gia, nhưng khi nghe bé Chín báo tin con gái đau nặng bất tỉnh, mạng sống mong manh như chỉ mảnh, bà đồ đành ép bụng đến thăm con, và van xin Ông bà Hội Đồng cho mang con về nhà mình chết đúng theo nguyện vọng của nó. Hai người chẳng ai ưa gì đứa con dâu, tổng nó ra khỏi nhà là chuyện họ hằng mong muốn, ngặt nỗi họ sợ mang tai tiếng nên sau khi cân nhắc kỹ, họ dứt khoát từ chối. Bà đồ không thể bịn rịn mãi với con tại nhà kẻ thù địch, đành phải dứt ruột xót gan ra về. Về nhà thấy chồng đang uống trà đàm đạo với vị sư già, bà cảm thấy hơi lạ. Thì ra cụ đồ hi vọng vợ sẽ mang được con về, nên vội vã đón chiếc xe kéo đến chùa Bửu Lâm thỉnh sư trụ trì lo tang ma cho con. Khi đến nơi mới biết cả chùa đều đi vắng, cụ đồ buồn hiu lủi thui bước ra, thì chú kéo xe bỗng gọi ý:

- Sao cụ không mời Ông sư muối ốt, ông tụng kinh rành rọt lắm đó!

- Uả tên vị này nghe sao lạ tai quá? Mà Ông ấy ngụ ở chùa nào vậy chú?

- Ông từ đâu tới không ai biết, hiện ở tạm tại cái chái sau chùa kia kìa! Còn việc mang tên sư muối ớt vì có lần ông đi theo pháp sư Lưu Khôn tụng kinh làm đám được gia chủ đãi mâm cơm đầy cá thịt, ông ăn chay nên chỉ âm thầm ăn cơm với muối ớt nên mới có tên đó!

- Chú giỏi quá! Chuyện nào chú cũng rành cả!

- Tôi nghe thằng Tám Xin nói sao kể lại vậy mà thôi. Nó cũng chạy xe kéo như tôi, nhậu “xin” tối ngày nên mới mang tên này. Số là khi ông sư mới tới Mỹ Tho đi lang thang thì gặp Tám Xin đang ngồi tại quán cóc nhâm nhi ba sợi, sư nhờ Tám chỉ ngôi chùa gần đó để xin ở trọ. Tám đang “xin” chẳng úy kị gì cứ nắm tay sư ép ngồi xuống lè nhè: “Hít! hít! Ngồi cùng với tui vài ly... hi!... hi!... thì... tui... tui... chỉ... cho... !” “Ngồi chơi thì tôi ngồi, nhưng uống rượu tôi không biết! Nhậu có vui không hả chú?” “Hít! hít! Vui lắm! Vui vô cùng vô tận lận!” “Chú nhậu vui mà có biết ở nhà vợ con đang đói, đang buồn khổ không?” Tám nghe câu hỏi này bỗng nhiên tỉnh rượu, nghĩ ra mới biết này giờ vì say “xin” đã lổi làm lổi kéo vị sư già, nên để chuộc tội hấn nài nữ sư lên xe đưa đến chùa. Dọc đường hấn giải thích vì số phần xui xẻo kiếm không đủ tiền nuôi vợ con, buồn quá nên mới sanh tật nhậu này. Sư dạy: “Không phải số hên xui đâu con, mà chính vì con say sưa tối ngày nên mấy ai dám lên xe con chở!” Tới chùa, sư đưa cho Tám số tiền trọng hậu căn dặn mua món gì về cho vợ con ăn. Nó kéo xe ra đi mà còn nghe tiếng sư nhấn nhủ với theo: “Nhớ bỏ rượu ghen con!” Ông chỉ nói có một câu vậy mà thằng Tám nghe theo bỏ rượu, nhờ nó biết tu tỉnh nên bây giờ nó có khách mời khá lắm!

Vị sư già lụ khụ mặc áo lam cũ ngụ trong chái lá tồi tệ, với vẻ mặt phúc hậu đón tiếp cụ đồ. Chỉ vài câu đối đáp, cụ đồ đã nhận ra được chân tướng của vị cao tăng đạo hạnh liền cung thỉnh sư về nhà chủ trì tang sự. Sư vui vẻ đồng

ý nhưng cho biết sư đang chờ Tám Xỉn đánh giầy thép(điện tín), khi Tám trở về sẽ đưa sư đến nhà cụ đồ sau.

Cụ đồ chỉ chuyên học cái đạo quân tử của Khổng Mạnh, đối với Phật giáo xưa nay chưa có dịp tìm hiểu nên vẫn ngầm coi thường là mê tín, chỉ hợp với kẻ bình dân, nay nhân hỏi đạo với bậc chân tu mới hiểu thế nào là cái khổ sanh tử luân hồi, thế nào là chánh đạo, thế nào là con đường giải thoát... nên ngưỡng mộ vô cùng. Câu chuyện đang hào hứng thì bà đồ về nhà sụt sùi báo cáo tin con sắp lìa đời trong khi việc xin rước con đã bắt thành. Sư lên tiếng :

- Hai con hãy yên tâm, thầy tin tưởng rằng nội ngày nay thầy sẽ đưa cháu về nhà lo hậu sự, miễn là hai con hứa chắc đừng khóc than bi lụy làm trở ngại đường tu của vong linh mà thôi.

Nể trọng sư, hai vợ chồng gượng gạo hứa, chớ họ biết chắc cái đám Hội Đồng này lòng dạ nham hiểm khó lường, dễ dầu gì họ đổi ý.

Khoảng một giờ sau bỗng bé Chín dầm mưa học tóc chạy về nhà, khóc nức nở :

- Nguy to rồi Ông bà Mười ơi!

- Chuyện gì? Chuyện gì?

- Cô con chết rồi hồi 4 giờ chiều. Chết mà thành ma ghê quá, khiến cả nhà đặng kia sợ hết hồn hết vía vậy đó!

- Con kể rõ đầu đuôi coi ma như thế nào vậy con?

- Lúc đó mắt cô nhắm nghiền, hơi thở nặng nhọc, rồi bỗng thở hắt ra mấy hơi, dựng thờ dài lắc đầu, con nghĩ chắc là nguy rồi. Trời bỗng đổ mưa, trong nhà tối lù mù nên con đứng lên định vặn đèn, bỗng con thấy cô đứng lù lù trước tủ kiếng, nhìn lại bên giường thấy xác cô vẫn còn còn yên ở đó. Con sợ quá run lấy bẫy mà mắt vẫn tròn trừng nhìn, tay con chỉ cô, miệng kêu hồng ra tiếng “ê! ê!” Hồng dè dượng còn nhát hơn con một bậc nữa, vừa

nhìn theo ngón tay con thì mặt mày dựng tái mét, dựng hét ầm lên “Trời ơi ma! ma!” rồi bò lết ra ngoài. Bà Hội nghe tiếng con la, nóng ruột phóng đến cửa phòng vừa tràn vào vừa chỉ chỗ xỉ vả: “Đồ quỷ! Đồ yêu! Mày chết mà...” bà mắng chưa hết câu, không biết tại sao bà bị cái gì đập vào mặt té ngã ngửa, đầu đụng vào cánh cửa máu chảy tùm lum, ôm cái mặt bầm tím khóc la chí chóe. Ông Hội Đồng tức như điên la hét ồm ồm hỏi gia nhân rước cha sứ về nhà gấp để trị ma. Chờ lâu sốt ruột Ông bỗng sùng, ra lệnh gia nhân xách “măng xông” đi theo đến cửa phòng quyết bắn ma.

Ông chia sùng từ từ tiến thẳng vào, mắt láo liên tìm ma chuẩn bị bóp cò, bỗng tự nhiên đứng khựng lại ngã bật ra, khẩu súng văng theo nổ “đùng” một tiếng. Cậu Út và bà Hội lóp ngóp đứng xa xa để nhìn theo, bỗng ngã nhào la oải oải, cậu Út bị viên đạn lướt nhẹ vào bắp chân khóc thét từng cơn. Cả nhà hỗn loạn, một nhóm theo Bà Hội đưa cậu Út đi nhà thương, số còn lại lảng xảng ở sân trước bao quanh Ông Hội chờ sai bảo. Lại có tin chiếc xe rước cha sứ, vì đường trơn trượt đã đâm vào cột đèn khiến cha sứ bị thương không đến được, khiến Ông Hội càng thêm bối rối thất thần. Khi đó, thì chú bếp khoe là có quen với Pháp sư Lưu Khôn, người có tài trị ma, nhốt ma vào hũ dán bùa ếm thì ma bị kẹt trong đó đời đời. Ông Hội mừng rỡ hỏi thúc chú bếp đi rước ngay. Con sợ ông pháp sư đó nhốt cô con vô hũ quá, nên chạy rút về báo tin cho Ông bà Mười coi có cách gì cứu không?

Sư đứng dậy cầm lấy tay nải lên tiếng: “Thầy phải đến đó ngay mới kịp”, thấy vợ chồng cụ đồ dợm bước theo, sư ra dấu hiệu cản ngăn: “Hai con nên ở nhà chuẩn bị mọi việc, phần Bé Chín thì mang theo cái vồng đi với thầy.”

Cửa nhà Ông Hội Đồng mở hé, bên ngoài kẻ hiếu kỳ lóng nhóng nhìn vào, trong sân Ông Hội và đám bộ hạ nhi nhô chỉ chỗ. Khi sư vừa đến thì có vị pháp sư áo rộng thùng thình ào ào vượt qua, thấy sư hấn liền chặn lại hỏi:

- Uả! Có ai mời Ông tới không?

- Không ai mời tôi cả!

Lưu Khôn cười ngạo nghễ:

- Vậy thì hãy tránh ra! Ông Hội Đồng mời tôi tới bắt ma. Nghề ruột của tôi mà!

Nói xong Lưu Khôn bước vào sân cười cười nói nói, rồi đầu đội mũ Tỳ lư, tay cầm roi dâu, tay kia bắt ấn, miệng lâm râm thần chú... nghênh ngang phóng vào phòng có ma. Bỗng nghe tiếng “ụych”, Lưu Khôn mặt mũi sung vù, lóp ngóp bò ra khỏi cửa, rồi phóng chạy biến đi không nói một lời từ giả. Lúc đó bỗng có chiếc xe hơi citroen mui vải hiem có ngừng bên đường cho bốn nhà sư và hai nữ cư sĩ bước xuống. Tất cả vội vàng bước đến, dề đầu sụp lạy vị sư già không câu nệ dơ sạch khiến khách bàng quan vô cùng kinh ngạc. Một nhà sư cất tiếng:

- Bạch hòa thượng, vừa nhận giấy thép của thầy, đúng lúc lại có Quách xính xáng trên đường về Cần Thơ ghé thăm chùa, chúng con bèn xin quá giang đi liền tới đây, lại có thầy Thiên Trường cũng xin đi theo bái kiến thầy.

- Hay quá! Vậy xin nhờ thầy Thiên Trường và con đến ngay nhà cụ đồ Phan hướng dẫn sắp xếp việc tổ chức hậu sự, sẵn sàng hộ niệm khi thầy rước thi thể con gái họ về. – quay sang bốn vị còn lại, sư tiếp lời – Các con thì ở đây tiếp thầy.

Dứt lời, thầy ngoắt bé Chín đi theo, an nhiên tiến vào sân gặp Ông Hội Đồng, từ tốn xá chào rồi lên tiếng:

- Chuyện lộn xộn xảy ra trong nhà Ông, chẳng có gì là ghê gớm cả! Ông hãy bình tĩnh lại và nghe tôi đề nghị lời này: Ông chỉ cần niệm một câu “Nam Mô Phật” thì tôi sẵn sàng giúp Ông mọi việc.

Sau khi pháp sư Lưu Khôn chạy dài, Ông Hội Đồng lâm vào tình trạng tinh thần khủng hoảng trầm trọng vì chẳng biết phải làm sao, Ông lại mục kích cảnh chư tăng đánh lễ trọng vọng vị sư già, lòng đã muốn lên tiếng nhờ vả

mà còn ngại, nay bỗng nhiên vị sư già mở lời đúng theo lòng mong ước thì còn gì cho bằng, Ông “mừng hóm” cúi đầu xá tán loạn:

- “Nam mô Phật” Xin Ông làm ơn giúp đỡ tôi. Tốn bao nhiêu tôi cũng sẵn sàng hết!

- Tôi không nhận tiền bạc gì cả, nhưng tôi báo cho Ông biết là tôi cần mang thi hài của cháu ra khỏi nhà thì oan hồn mới yên ổn không phá phách!

- Tốt lắm! được lắm! phải lắm! - Ông Hội Đồng vừa nói quỳnh quít vừa gật đầu lia lịa -

Sư mở tay nải lấy y vàng khoác lên, cầm chuông nhỏ tiến về gian phòng ma, bé Chín cũng bước theo sát gót. Có sư hiện diện nên bé Chín đỡ sợ, bé ghé mắt nhìn vào vẫn thấy hồn ma Mỹ Linh đứng ngẩn ngơ nhìn tủ kính. Sư thỉnh tiếng chuông rồi khoan thai bước tới. Hồn ma quay mặt lại nhìn, sau một thoáng ngạc nhiên bỗng luống cuống chấp tay xá chào. Sư tiến thêm mấy bước, rồi ngọt ngào lên tiếng:

- Con có điều bối rối chưa hiểu rõ lời lẽ khuyên tu này phải không? Hai câu kệ: “Cùng nhau Niệm Phật vãng sanh. Di Đà cõi Phật bạn lành đồng tu” tuy vắn tắt nhưng chắc con hiểu ra được là bạn con khuyên con cùng tu Niệm Phật để cùng vãng sanh một chỗ, điểm rắc rối chỉ vì con chưa nắm vững pháp tu Niệm Phật như thế nào cho có hiệu quả, nên lúng túng phải không? Hồn ma chấp tay kính cẩn xá sư. Sư ôn tồn giảng giải tiếp:

- Phiêu là đệ tử của thầy. Nó tu môn Niệm Phật và đã được vãng sanh về cõi Phật A Di Đà rồi. Có lẽ, trước khi từ trần nó nhờ cô ni mẹ nó mang câu kệ này cho con để khuyến khích con cùng tu một pháp môn để cùng vãng sanh về một chỗ.

(Mỗi lần nghe thầy dạy một câu, hồn ma cung kính xá thầy như tỏ ý vâng lời, nên xin miễn lập lại điều này)

- Phần con, con có tha thiết muốn sanh về cõi Phật đó không? Nếu con một

lòng một dạ muốn tu, thầy sẽ qui y cho con rồi hướng dẫn con tu.

- Đừng lo! con tu giờ phút này vẫn còn kịp, vẫn thành công như thường, miễn là con tin tưởng và thực hành lời thầy dạy. Con biết không? Khi mình còn sống, tâm mình bị thân ngăn trở nên kết quả tu hành rất chậm, còn giờ phút này tâm không còn bị thân ngăn trở nên rất mạnh: niệm ác nổi lên thì liền bị kéo về địa ngục, còn Niệm Phật tha thiết thì trong mười niệm cũng đủ cảm ứng để sanh về cõi Phật.

(Hồn ma quỳ xuống chấp tay chân thành)

- Con ngoan lắm, kể từ giờ phút này con chánh thức là đệ tử của thầy, thầy chọn cho con pháp danh là Như Nhất, có nghĩa là như thế mà nhất tâm tu tập đạo giải thoát. Đã là con Phật thì phải dứt bỏ lòng hận thù ganh ghét, ai gian ác hại con thì tự họ gánh chịu nghiệp quả của họ, phần con chỉ nên lo tu mà thôi, nếu con còn oán hận nghĩ tới họ thì cứ lẫn quẩn với họ chớ làm sao siêu thoát được.

Thầy đến tú kính lấy câu kệ khuyến tu cất vào tay nải, bé Chín liếc mắt theo thầy vừa ngó trở lại, thì bóng ma đã biến mất rồi. Bé Chín nghi ngờ dụi mắt nhìn lại cũng không khác, bé đang thắc mắc thì chợt nghe thầy lên tiếng:

- Bé Chín! Con trở ra đất hai bà cư sĩ chùa Giác Lâm vào đây chuẩn bị đưa cô con đi, con nhớ đem cái võng vào!

Hai Phật tử từng theo thầy lo tang ma và hộ niệm, đã có nhiều kinh nghiệm nên thầy không cần giải thích đã hiểu ý, họ nhẹ nhàng nâng thi thể người chết đặt lên võng, rồi người một đầu, võng theo thầy đi từng bước chậm.

Thầy bước đi trước, thỉnh tiếng chuông và bắt đầu niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Khi ra ngoài đã có hai vị tăng sĩ, y vàng trang nghiêm, chuông mõ đầy đủ tháp tùng, vừa đi vừa Niệm Phật không ngừng, nên âm vang có phần hùng hậu. Thi thể sau đó được nâng đặt lên chiếc xe kéo của Tám Xỉn, hai nữ cư sĩ kèm sát hai bên, cùng di chuyển chậm chậm theo chân quý thầy.

Khách bâng quan nhiều người hưởng ứng kết thành đoàn đưa đến tận nhà cụ đồ mới giải tán.

Nhờ mọi việc đã có sư Thiên Trường sắp xếp chu đáo, nên sau khi đặt thi hài vào áo quan, thầy liền thỉnh chuông lễ Phật rồi khai thị ngay:

- Đệ tử Như Nhất con hãy lắng nghe: Tâm Phật và tâm của chúng ta vốn đồng một bản chất là rỗng lặng như hạt minh châu, nhưng vì tâm ta bị tham sân si che khuất nên tối tăm không chiếu sáng, như vậy, nếu ta rời bỏ được tham sân si thì tâm sẽ là hạt châu trong sáng, không lu mờ, từ đó mới có khả năng phản chiếu với hạt châu tâm Phật và cảm ứng được tâm Phật. Tóm lại, nếu con một lòng tha thiết Niệm Phật trong mười niệm mà không còn chút tham sân si chen vào, thì Đức Phật A Di Đà cùng thánh chúng sẽ tiếp dẫn con về cõi Phật như Ngài đã phát nguyện. Bây giờ, con hãy nương theo thầy và tăng ni Phật tử đồng Niệm Phật con nhé!

Nhờ có quý thầy và nhóm Phật tử chùa Bửu Lâm thay phiên nhau hộ niệm nên tiếng Niệm Phật ngày đêm không dứt. Thầy tuổi hạc đã cao, dù chư tăng nài nỉ nhưng vẫn không chịu nghỉ ngơi, mỗi ngày đến đúng giờ mà Như Nhất lia đời thì thầy đích thân nhắc lại lời khai thị, rồi mới tiếp nối Niệm Phật. Vào ngày thứ ba, sau khi khởi Niệm Phật trở lại đúng mười câu, bỗng lưng trời nghe như văng vẳng tiếng nhạc êm dịu, thầy bảo đại chúng cùng quỳ lạy mọp xuống đón Tam Thánh. Chừng mười phút trôi qua, thầy đứng dậy thông báo Như Nhất vừa được Tam Thánh tiếp dẫn, đại chúng vô cùng hoan hỷ và xúc động trước sự kiện hãn hữu chưa từng nghe thấy. Những người hiện diện ai cũng đích thân thoảng nghe nhạc trời và mùi trầm hương phảng phất, nhưng trường hợp bé Chín khá đặc biệt, có lẽ vì hai người có mối thâm tình sâu xa. Cháu kể: “Tuy mọp sát nhưng con vẫn ráng nhìn lên, con thấy có hai đồng tử mang hoa sen xanh đáp xuống mời cô con lên tòa sen, bay về hướng có tòa sen rợp cả trời!”.

Việc lớn coi như đã xong, thầy ủy thác cho chư tăng tiếp tục lo tang lễ cho đến khi hoàn mãn. Thấy thầy sắp rời bước, hai vợ chồng cụ đồ quỳ lạy cảm tạ thầy:

- Ôn thầy lớn như trời như biển, không có lòng từ bi đức độ của thầy chở che bảo bọc, thì cháu Linh chắc chắn vĩnh viễn sẽ làm ma lạc lõng, chớ làm sao có diễm phúc vãng sanh như thế này.

Thầy cười hề hà:

- Thầy có duyên nên mới độ được cháu, nhưng nói đúng ra thì chính cháu tự độ cho cháu chớ chẳng ai khác. Trước hết, phải hiểu là sau khi nhận được hai câu kệ khuyến tu, cháu đem hết tâm niệm mình đặt vào đó, lúc nào cũng tha thiết nguyện về cõi Phật A Di Đà dù không biết tu cách nào. Tâm niệm tu mạnh đến nỗi chết rồi mà vẫn còn ngơ ngẩn chiêm nghiệm câu kệ, lòng chẳng tham luyến cõi Ta Bà, cũng chẳng bận tâm thù hận, nên tâm chuyên nhất cô động thành khối như tường vách ngăn chặn, khiến kẻ mang tâm niệm ác va vào rồi tự té ngã. Và cũng chính do lòng thiết tha tu tập đó, nên khi được hộ niệm đã sớm đạt thành quả nhất tâm mà vãng sanh Tịnh độ.

Thầy bỗng hướng vào đại chúng, cất tiếng nhắc nhở chung cho mọi người:

“Các con nên nhớ noi gương cháu Như Nhất giữ vững tâm nguyện vãng sanh không lay chuyển trong bất cứ tình huống nào thì đường về cõi Cực Lạc chắc chắn không xa!”

Tháng 03.2008

Ghi chú:

1. **Tây An tự:** Chùa do Tổng Đốc Doãn Uẩn xây dựng năm Đinh Mùi(1847), tọa lạc tại xã Vĩnh Tế, Châu Đốc. Sau khi hoàn thành, Tổng đốc đã thỉnh hòa

thượng Tiên Giác – Hải Tịnh, nguyên là tăng cang tại chùa Linh Mục, Huế vừa trở về miền Nam đảm trách trụ trì tổ đình Giác Lâm, Gia Định kiêm nhiệm trụ trì. Khi cư sĩ họ Đoàn hành đạo tại trấn An Giang bị triều đình bắt buộc phải chánh thức xuất gia theo Phật Giáo mới được hoàng pháp, tổ Hải Tịnh đã cho cư sĩ thọ giới, với pháp danh Minh Huyền. Minh Huyền được cử phụ trách Tây An tự cùng với sư đệ Minh Võ. Sau khi Ngài Minh Huyền từ trần (1856), Ngài Minh Võ được cử chánh thức trụ trì.

Tuy Tây An tự trên nguyên tắc trực thuộc tổ đình Giác Lâm, nhưng sau một thời gian dài bất ổn về chánh trị, chùa Tây An mất liên lạc với tổ đình, mãi đến khi tổ Minh Khiêm - Hoằng Ân hoằng hóa phương Nam, nhận thấy chùa Tây An suy vi, bèn lưu lại một thời gian để chấn chỉnh, và sau đó đã cử đệ tử Như Mật – Bửu Thọ trụ trì (1911). Sư Như Mật đã kiến thiết ngôi chùa Tây An như hiện trạng.

2. *Phật thầy Tây An* (1807-1856): Ngài họ Đoàn (không rõ tên), pháp danh Minh Huyền tức Đức Phật Thầy Tây An, vị khai sáng chi phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa tại miền Nam vào triều vua Tự Đức. Ngài vốn là vị cư sĩ Phật giáo nắm vững khế lý khế cơ, phối hợp việc trị bệnh, làm ruộng độ đời hầu nương vào đó truyền dạy giáo pháp thực tiễn cho đám dân quê nghèo đói: sống theo tinh thần hiếu nghĩa, thực hành bốn ân lớn (Tứ Ân Hiếu Nghĩa), và đặc biệt là bền lòng gìn giữ câu Niệm Phật cầu vãng sanh về cõi Tịnh độ. Vừa xuất hiện, đạo tràng của Ngài liền quy tụ đông đảo tín đồ thuần thành tề tựu lập trại ruộng canh tác, cùng sống cùng tu tương thân tương ái. Tình trạng thu phục nhân tâm nhanh chóng này khiến cho chánh quyền tỉnh An Giang lo ngại có sự lợi dụng tôn giáo cho mưu đồ chánh trị, do đó, để không bị ngăn trở công cuộc hoằng pháp, Ngài tuân theo lệnh triều đình Huế, chính thức thọ giới xuất gia với Hòa thượng Tiên Giác - Hải Tịnh trụ trì chùa Giác Lâm, Gia Định. Hòa thượng ban cho Ngài pháp danh Minh Huyền, hiệu

Pháp Tạng (Pháp Tạng – Minh Huyền, gọi theo thiền gia), và trao trách vụ hoằng pháp tại chùa Tây An, núi Sam. Ngài có 12 đệ tử nổi danh như: Quán cơ Trần văn Thành, Tăng chủ họ Bùi, Đạo Lập, Đạo Xuyên, Đạo Ngoạn, Đạo Thắng, Đạo Sĩ, Đạo Chợ, Đạo Đọt... hoằng hóa khắp miền Tây Nam Phần.

3. **Tổ Tiên Giác - Hải Tịnh** (1788-1875): Sư xuất gia năm 15 tuổi, đệ tử xuất sắc của hai vị tổ nổi tiếng Linh Nhạc và Viên Quang, đảm trách trụ trì Từ Ân, Gia Định năm 1821. Năm 1825 được vua Minh Mạng vời về Huế lần lượt giữ chức tăng cang các chùa Thiên Mụ, Long Quang, Giác Hoàng. Năm 1944, Hòa Thượng Hải Tịnh xin trở về Nam và được đề cử trụ trì chùa Quốc Ân Khải Tường, kiêm nhiệm chùa Giác Lâm... và chùa Tây An, Châu Đốc. Ngài đào tạo rất nhiều đệ tử tài đức, đặc biệt nhất là hòa thượng Minh Khiêm Hoàng Ân và Minh Huyền Pháp Tạng tức Phật Thầy Tây An.

4. **Tổ Minh Khiêm - Hoàng Ân** (1850-1914): đệ tử xuất sắc của hòa thượng Tiên Giác – Hải Tịnh, được hòa thượng cử giữ chức vụ trụ trì chùa Giác Viên khi mới 19 tuổi (1869), đến năm 1887, kiêm nhiệm thêm chùa Giác Lâm.

Vừa nhận trách nhiệm trụ trì phải xây dựng và tái thiết hai chùa to lớn, hòa thượng vẫn dành nhiều thời hoằng pháp và đào tạo tăng tài: khai mở trường hạ, chủ trì đại giới đàn, ấn tống kinh sách... Sau một thời gian dài lo lắng cho Phật giáo tại Gia Định và miền Đông, đến khoảng năm 1905, sau khi sắp xếp đề cử hai đệ tử Như Phòng và Như Lợi đảm nhiệm trụ trì hai chùa Giác Lâm và Giác Viên, hòa thượng Minh Khiêm Hoàng Ân hướng về miền Tây. Ngài du phương hoằng hóa theo phong cách “bụi đời” nói theo thiền là “thông tay vào chợ”, một mình lang thang ghé Mỹ Tho, hòa hợp với hạng thầy cúng rượu thịt, la cà với giới phu xe nghèo khổ để tùy duyên giáo hóa họ. Phật tử rủ nhau đến quy ngưỡng với Ngài, sư Thiên Trường trụ trì chùa Bửu Lâm

quí trọng thờ kính Ngài là bậc y chỉ đạo sư và xây cất một am cạnh chùa gọi là am Viên Giác để hòa thượng tạm trú dạy đạo tại Mỹ Tho. Rồi Mỹ Tho hòa thượng cũng ẩn hình hoằng hóa tại Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên, rồi dừng lại một thời gian khá lâu tại chùa Tây An để chấn chỉnh lại sơn môn này. (Chùa Tây An vốn trực thuộc hệ thống Giác Lâm, Gia Định, như vậy hòa thượng là bậc trưởng thượng nhưng khi đến đó ẩn danh dạy đạo không ai biết liên hệ này). Từ đó, Phật tử miền Tây suy tôn hòa thượng là Tổ núi Sam. Năm 1913, sức khỏe đã yếu, tổ trở về Mỹ Tho nhập thất tại am Viên Giác một thời gian dài trước khi thị tịch vào tháng giêng năm Giáp Dần (1914).

Nguồn: <http://www.thuvienhoasen.org>

Được bạn: Thanh Vân đưa lên

vào ngày: 27 tháng 6 năm 2009